

# Use-case Description

## UC 01 Show List Organisation Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Show list organisation |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách tổ chức |
| **Goal** | Xem danh sách, lọc kết quả theo tên |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Sau khi user click vào Organisation List |
| **Post-condition** | Dữ liệu của hệ thống không thay đổi |
| **Normal flow** | 1.NormalUser đã login.  2. Normail click vào Organisatinon |
| **Alternative flow** | No  . |
| **Exception flow** | User không đăng nhập được vào hệ thống  Không hỗ trợ lọc với các kí tự khác ngoài từ 0-9 và chữ cái tiếng anh |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 02 Add Organisation Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Add organisation |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm một tổ chức mới |
| **Goal** | Thêm tổ chức vào cơ sở dữ liệu |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Sau khi User click vào Organisation List sau đó click vào Create |
| **Post-condition** | Thêm được 1 tổ chức vào cơ sở dữ liệu |
| **Normal flow** | 1.NormalUser đã login.  2. Normail click vào Organisatinon list  3. User click vào Create  4.User nhập thông tin tổ chức cần thêm mới rồi click save |
| **Alternative flow** | No |
| **Exception flow** | User không đăng nhập được vào hệ thống  Không kết nối được với cơ sở dữ liệu  Nhập thiếu thông tin cần thiết, Tên organisation bị trùng  Đưa ra thông báo user nhập lại thông tin |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 03 Amend Organisation Materials -by-MaND-DaiNB

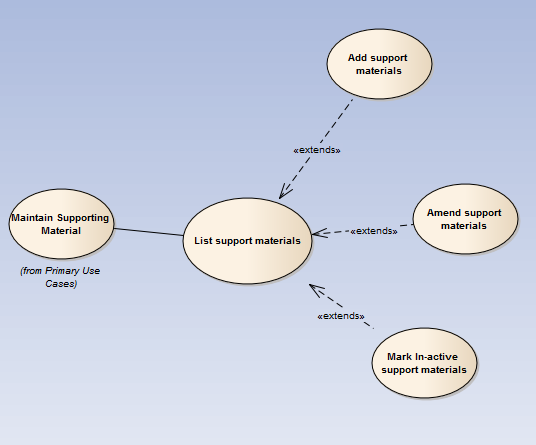
|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Amend Organisation |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người sửa thông tin tổ chức |
| **Goal** | Thông tin tổ chức được sửa lại |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống  Tổ chức đã tồn tại trong cơ sở dữ liệu |
| **Trigger** | Sau khi User click vào Organisation List sau đó click vào một organisation |
| **Post-condition** | Thông tin của tổ chức được cập nhật lại trong cơ sở dữ liệu  Đảm bảo tính toàn vẹn của cơ sở dữ liệu |
| **Normal flow** | 1.NormalUser đã login.  2. Normail click vào Organisatinon list  3. User click vào một Organisatin trong list  4. User thực hiện điền đầy đủ thông tin cần sửa  5. User click vào save quá trình sửa thành công |
| **Alternative flow** | No |
| **Exception flow** | User không đăng nhập được vào hệ thống  Không kết nối được với cơ sở dữ liệu  Nhập thiếu thông tin cần thiết, Tên organisation bị trùng  Đưa ra thông báo user nhập lại thông tin |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 04Mark active Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Mark active organisation |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phéo chuyển trạng thái của tôt chức từ in-active sang active |
| **Goal** | Trạng thái của tổ chức được sửa |
| **Pre-condition** | 1. User đăng nhập vào hệ thống 2. Tổ chức đã tồn tại và ở trạng thái in-active |
| **Trigger** | Từ màn hình Organisation List click vào tổ chức có trạng thái in-active và click vào ok |
| **Post-condition** | Trạng thái tổ chức được cập nhật lại thành active |
| **Normal flow** | 1. User đã login 2. User click vào organisation list 3. User click vào organisatin ở trạng thái in-active 4. User click vào ok |
| **Alternative flow** | User click vào cancel, trạng thái của tổ chức ko được thay đổi |
| **Exception flow** | Đưa ra thông tin gây lỗi, yêu cầu user thực hiện lại quá trình |
| **Others** |  |

## UC 05Mark in-active Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Mark in-active organisation |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép user chuyển trạng thái của tổ chức từ activer sang in-active |
| **Goal** | Trạng thái hoạt động của tổ chức được thay đổi |
| **Pre-condition** | 1. User đã đăng nhập vào hệ thống 2. Tổ chức đã tồn tại và ở trạng thái active |
| **Trigger** | Từ màn hình chi tiết tổ chức, click vào in-active |
| **Post-condition** | Trạng thái hoạt động của tổ chức được cập nhật lại thành in-active |
| **Normal flow** | 1. User đã login 2. User click vào 1 tổ chức ở trạng thái active 3. Từ màn hình chi tiết tổ chức, click vào in-active 4. Click Ok |
| **Alternative flow** | User click vào cancel trạng thái của tổ chức không được thay đổi |
| **Exception flow** | Đưa ra thông tin gây lỗi, yêu cầu user thực hiện lại quá trình |
| **Others** |  |



## UC 06 Show List Supporting Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Show List Supporting |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách Supporting Materials |
| **Goal** | Xem danh sách support materials |
| **Pre-condition** | Đăng nhập thành công, tồn tại organisation |
| **Trigger** | Khi NormalUser click vào tab detail 5 |
| **Post-condition** | Dữ liệu của hệ thống không thay đổi. |
| **Normal flow** | 1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab detail 5 để hiển thị danh sách |
| **Alternative flow** | No |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 07Add Supporting Materials -by-MaND-DaiNB

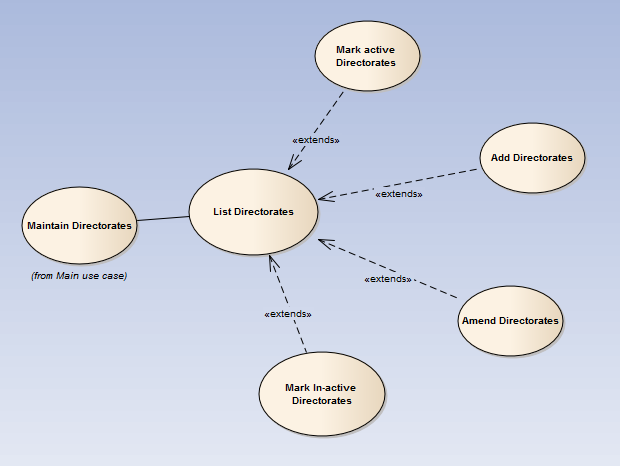
|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Add Supporting |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm mới 1 Support Materials |
| **Goal** | Tạo mới được Support Materials |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống, tồn tại organisation |
| **Trigger** | Sau khi NormalUser click vào một Support Materials trong tab detail 5 |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 Support Materials được thêm vào database. Đảm bảo dữ liệu được cập nhật trong thời gian ngắn. |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và thêm mới 1 Support Materials]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab detail 5 để hiển thị danh sách 4. Tiếp theo người dùng click vào nút create để thêm mới |
| **Alternative flow** | No |
| **Exception flow** | NormlUser không điền đầy đủ hoặc không chính xác các thông tin trước khi save  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ hoặc sửa thông tin,tô màu đỏ những vùng đó.  Đưa ra thông tin gây lỗi, có thể là do bản ghi đã tồn tại hoặc trùng khóa |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 08 Amendt Supporting Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Amend Support |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin của một Support Materials |
| **Goal** | Cập nhật lại thông tin của Support Materials |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống, tồn tại Support |
| **Trigger** | Khi NormalUser click vào một Support Materials trong list |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 vùng miền được cập nhật vào database,đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và cập nhật thông tin vùng/miền thành công]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab detail 5 để hiển thị danh sách 4. Tiếp theo người dùng click vào một Support Materials để chỉnh sửa |
| **Alternative flow** | No |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi.  [NormalUser không điền đầy đủ các thông tin trước khi submit]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin, tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 09 Mark in- Amendt Supporting Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Mark-InActiveSupport |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thay đổi trạng thái từ active sang in-active của một Support Materials |
| **Goal** | Thay đổi từ active sang in-active của 1 bản ghi |
| **Pre-condition** | 1. Đã login thành công vào hệ thống 2. Tồn tại Support ở trạng thái active |
| **Trigger** | Khi NormalUser click vào một Support Materials ở trạng thái active và sau đó click vào nút in-active |
| **Post-condition** | Bản ghi sẽ chuyển từ trạng thái active sang trạng thái in-active. |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và cập nhật thông tin Support Materials thành công]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab detail 5 để hiển thị danh sách 4. Tiếp theo người dùng click vào một Support Materials có trạng thái là active để chỉnh sửa trạng thái 5. Người dùng click vào nút in-active để thay đổi trạng thái |
| **Alternative flow** | No |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |



## UC 10 ShowListTDirectoratess Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | ShowListTDirectoratess |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách quận huyện trong 1 Directorates nào đó. |
| **Goal** | Hiển thị danh sách Directorates và cho phép tìm kiếm tất cả hoặc tìm theo kí tự đầu tiên |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống, tồn tại organisation |
| **Trigger** | Khi người dùng click vào tab BU/Directorates |
| **Post-condition** | Dữ liệu hệ thống không thay đổi |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và xem danh sách quận huyện thành công]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị danh sách |
| **Alternative flow** | Không có . |
| **Exception flow** | [Lỗi không hiển thị bản ghi,có thể là do trình duyệt hoặc chưa enable Javascript]  Hiển thị lỗi trình duyệt  [NormalUser không thể đăng nhập vào hệ thống]  Hiển thị thông báo |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 11 Add Directoratess Materials -by-MaND-DaiNB

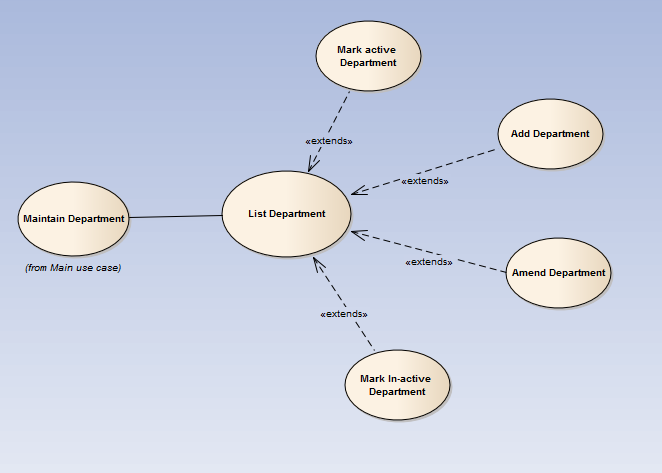
|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Add Directorates |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm mới 1 Directorates |
| **Goal** | Tạo mới được 1 Directorates |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống, tồn tại organisation |
| **Trigger** | Khi người dùng click vào nút create trong màn hình tab BU/Directorates |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 Directorates được thêm vào database. Đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và thêm mới 1 quận/huyện thành công]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào nút create để tạo mới 5. Điền đầy đủ thông tin hợp lệ 6. Ấn Save |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | [Khi thêm mới 1 Directorates gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi, có thể là do bản ghi đã tồn tại.  [NormalUser không điền đầy đủ hoặc không chính xác các thông tin trước khi save]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin, tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 12 Amend Directoratess Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Amend Directorates |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin của Directorates |
| **Goal** | Cập nhật lại thông tin của Directorates |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống, tồn tại Directorates |
| **Trigger** | Khi người dùng click vào một Directorates active trong màn hình danh sách các Directorates |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 Directorates được cập nhật vào database, đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và thêm mới 1 Directorates thành công]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào một Directorates active để sửa 5. Điền đầy đủ thông tin hợp lệ 6. Ấn Save |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi.  [NormalUser không điền đầy đủ các thông tin trước khi save]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin,tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 13 Mark in-active-Directorates Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Directorates - UC 06 Mark in-active-Directorates -by-ManND-DaiNB |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thay đổi trạng thái từ active sang in-active của 1 Directorates. |
| **Goal** | Thay đổi từ active sang in-active của 1 Directorates |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống và tồn tại Directorates ở trạng thái active |
| **Trigger** | Khi NormalUser click nút in-active trong màn hình chi tiết của Directorates |
| **Post-condition** | Bản ghi sẽ chuyển từ trạng thái active sang trạng thái in-active. |
| **Normal flow** | [NormalUser đã login và thay đổi trạng thái 1 NormalUser thành công]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào một Directorates active hiển thị chi tiết 5. Click vào nút in-active 6. Ấn Save |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |



## UC 14 ShowListDepartment Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | ShowListDepartment |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách Department |
| **Goal** | Xem danh sách, cho phép tìm kiếm tất cả hoặc theo key, sắp xếp |
| **Pre-condition** | 1. Đã login thành công vào hệ thống 2. Tồn tại Directoratestrong cơ sở dữ liệu |
| **Trigger** | Khi NormalUser click vào màn hình chi tiết department sau khi chọn chức năng amend directorates |
| **Post-condition** | Dữ liệu của hệ thống không thay đổi. |
| **Normal flow** | [NormalUser đăng nhập thành công vào hệ thống và hiển thị thành công danh sách]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào một Directorates active chỉnh sửa 5. Click vào màn hình Department để hiển thị |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | NormalUser không thể đăng nhập được vào hệ thống  Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 15 AddListDepartment Materials -by-MaND-DaiNB

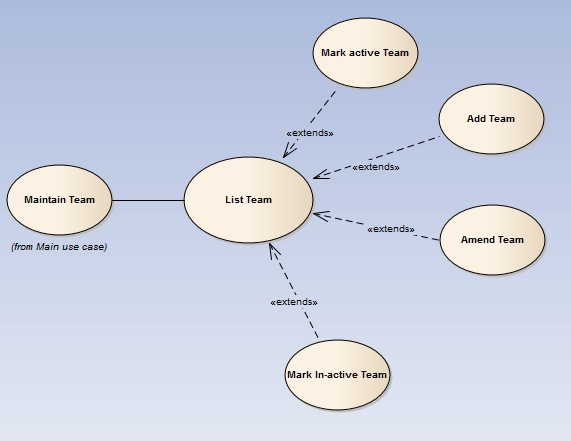
|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | AddListDepartment |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm mới Department |
| **Goal** | Thêm một Department |
| **Pre-condition** | 1. Đã login thành công vào hệ thống 2. Tồn tại Directoratestrong cơ sở dữ liệu |
| **Trigger** | Khi người dùng click vào create trên mạn hình danh sách Department |
| **Post-condition** | Thêm bản ghi mới |
| **Normal flow** | [NormalUser đăng nhập thành công vào hệ thống và thêm mới một Department]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào một Directorates active chỉnh sửa 5. Click vào màn hình Department để hiển thị 6. Click vào nut create trên màn hình danh sách Department 7. Điền thông tin hợp lệ 8. Ấn save |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript.  [không thêm được Department do lỗi kết nối]  Đưa ra thông báo |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 16 AmendListDepartment Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | AmendListDepartment |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng chỉnh sửa một Department active |
| **Goal** | Sửa thông tin về một Department |
| **Pre-condition** | 1. Đã login thành công vào hệ thống 2. Tồn tại Department |
| **Trigger** | Khi người dùng click vào một department trạng thái active trên màn hình danh sách Department |
| **Post-condition** | Bản ghi được sửa |
| **Normal flow** | [NormalUser đăng nhập thành công vào hệ thống và sửa một Department thành công ]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào một Directorates active chỉnh sửa 5. Click vào màn hình Department để hiển thị 6. Click vào một department trên danh sách Department 7. Hiển thị chi tiết và thay thế thông tin cần sửa 8. Ấn save |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript.  [không sửa được Department do lỗi kết nối]  Đưa ra thông báo |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 17 MarkInactiveDepartment Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | MarkInactiveDepartment |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng chỉnh sửa trạng thái một Department active thành in-active |
| **Goal** | Sửa trạng thái của một Department |
| **Pre-condition** | 1. Đã login thành công vào hệ thống 2. Tồn tại Department ở trạng thái active |
| **Trigger** | Khi người dùng click vào nút in-active |
| **Post-condition** | Bản ghi được sửa |
| **Normal flow** | [NormalUser đăng nhập thành công vào hệ thống và sửa trạng thái một Department thành công ]   1. User login thành công. 2. User click vào Amend một Organisation 3. Sau đó người dùng click vào tab BU/Directorates để hiển thị 4. Tiếp theo người dùng click vào một Directorates active chỉnh sửa 5. Click vào màn hình Department để hiển thị 6. Click vào một department trên danh sách Department 7. Sau khi màn hình chi tiết hiện lên click vào nút in-active 8. Ấn save |
| **Alternative flow** | Không có |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript.  [không sửa được Department do lỗi kết nối]  Đưa ra thông báo |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |



## UC 18 List team Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | List team |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sach team của Department |
| **Goal** | Xem danh sách, lọc kết quả theo tên |
| **Pre-condition** | 1. User đã đăng nhập vào hệ thống 2. Tồn tại Department |
| **Trigger** | Từ màn hình chi tiết tổ chức Department click vào Teams |
| **Post-condition** | Dữ liệu hệ thống không thay đổi |
| **Normal flow** | Từ màn hình chi tiết Department click vào Teams |
| **Alternative flow** | no |
| **Exception flow** | Không đăng nhập hệ thông, không kết nối được với cơ sở dữ liệu |
| **Others** |  |

## UC 19 Add team Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Add team |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm 1 team mới vào Department |
| **Goal** | Team mới được thếm vào Department |
| **Pre-condition** | 1. User đã đăng nhập vào hệ thống 2. Tồn tại Department |
| **Trigger** | Từ màn hình chi tiết tổ chức List Team click vào create |
| **Post-condition** | Một team mới được thếm vào Department |
| **Normal flow** | 1. Từ màn hình List Teams click vào Create 2. Click ok để quá trình thêm thành công |
| **Alternative flow** | no |
| **Exception flow** | Không đăng nhập hệ thông,  Người dùng ko điển đúng hoặc điền ko đầy đủ thông tin  Không kết nối được với cơ sở dữ liệu |
| **Others** |  |

## UC 20 Amend team Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Amend team |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phép người dùng sửa thông tin một Team |
| **Goal** | Thông tin của team được sửa |
| **Pre-condition** | 1. User đã đăng nhập vào hệ thống 2. Tồn tại team |
| **Trigger** | Từ màn hình List Team click vào team cần sửa |
| **Post-condition** | Một team mới được thếm vào department |
| **Normal flow** | 1. Từ màn hình List Teams click vào một team cần sửa 2. Điển đầy đủ thông tin cà click save 3. Click ok để hoàn tất quá trình sửa |
| **Alternative flow** | no |
| **Exception flow** | Không đăng nhập hệ thông  Điền thiếu hay điền sai thông tin cần nhập  Không kết nối được với cơ sở dữ liệu  Yêu cầu user nhập lại thông tin |
| **Others** |  |

## UC 21 Mark active team Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Mark active team |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phéo chuyển trạng thái của tôt team từ in-active sang active |
| **Goal** | Trạng thái của tổ chức được sửa |
| **Pre-condition** | 1. User đăng nhập vào hệ thống 2. Team đã tồn tại và ở trạng thái in-active |
| **Trigger** | 1. Từ màn hình Organisation List click vào tổ chức có trạng thái in-active 2. click vào ok |
| **Post-condition** | Trạng thái tổ chức được cập nhật lại thành active |
| **Normal flow** | 1. Từ màn hình Organisation List click vào tổ chức có trạng thái in-active 2. click vào ok |
| **Alternative flow** | no |
| **Exception flow** | Không đăng nhập hệ thông  Không kết nối được với cơ sở dữ liệu |
| **Others** |  |

## UC 22 Mark in-active team Materials -by-MaND-DaiNB

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Mark in-active team |
| **Actors** | NormalUser |
| **Description** | Cho phéo chuyển trạng thái của tôt team từ active sang in- active |
| **Goal** | Trạng thái của tổ chức được sửa |
| **Pre-condition** | 1. User đăng nhập vào hệ thống 2. Team đã tồn tại và ở trạng thái active |
| **Trigger** | Từ màn hình Team Details click vào in-active |
| **Post-condition** | Trạng thái tổ chức được cập nhật lại thành in-active |
| **Normal flow** | 1. Từ màn hình Team Details click vào in-active 2. Click vào ok để hoàn tất quá trình |
| **Alternative flow** | no |
| **Exception flow** | Không đăng nhập hệ thông  Không kết nối được với cơ sở dữ liệu |
| **Others** |  |

**SERVICES (NghiaNV004)**

List Service

|  |  |
| --- | --- |
| Name | List Service |
| Actor | NormalUser |
| Description | Allow user to display all active Services(include Inactive Service if user clicks on “In-active” checkbox |
| Goal | User can filter and sort Services to search Services,change status and copy a Service |
| Pre-Condition | Main webpage is displayed successfully |
| Trigger | User clicks on “Services” item under Services in the menu |
| Post-Condition | “Service List” screen is displayed |
| Nomal flow | 1.User clicks on Services item  2.User filter Services  3.User sort Serves  4.User selects an Inactive Service  5.User copy a Service |
| Alternative flow | [When user selects an Inactive Service]  System display a message “Do you want to make this Service active?”  If clicks on Ok, Service Details screen will display  If clicks No, Service List screen will keep |
| Exception flow | [When user doesn’t select a Service but clicks on “Copy” button]  System displays message “Please select a Service to copy” |
| Others |  |

Add Service

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Add Service |
| Actor | NormalUser |
| Description | Allow user to create new Service from Service List screen |
| Goal | Create new Service |
| Pre-Condition | Service List screen is displayed successfully |
| Trigger | User clicks on “Create” button on the “Service List” screen |
| Post-Condition | New Service is created and save to database |
| Nomal flow | 1.User clicks on Services item  2.User clicks on Create button  3.User input data to fields  4.User clicks on Save button  5.System validate fields and save to database |
| Alternative flow |  |
| Exception flow | [When one or more fields is fault]  System display message about this fault |
| Others |  |

Amend Service

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Amend Service |
| Actor | NormalUser |
| Description | Allow user to amend a Service by selecting an active Service form the list |
| Goal | Amend a Service and save to database |
| Pre-Condition | Service List screen is displayed successfully |
| Trigger | User select an active Service from Services List |
| Post-Condition | Amend a Service and save it to database |
| Nomal flow | 1.User clicks on Services item  2.User clicks on active Service  3.User edits fields  4.User clicks on Save button |
| Alternative flow |  |
| Exception flow | [When one or more fields is fault  System display message about this fault |
| Others |  |

Mark In-active Service

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Mark In-active Service |
| **Actors** | NormalUser (NU) |
| **Description** | Cho phép NU chuyển trạng thái 1 service có sẵn trong hệ thống từ *Active* sang *In-active* |
| **Goal** | Service chuyển từ *Active* sang *In-active* |
| **Pre-condition** | Màn hình chính hiển thị thành công trang list các service |
| **Trigger** | NU ấn vào nút “In-active” trên trang hiển thị |
| **Post-condition** | Service chuyển từ “Active” sang “In-active” |
| **Normal flow** | [NU đăng nhập và chuyển trạng thái cho service từ “Active” sang “In-active” thành công]   1. NU đăng nhập 2. NU ấn vào menu “Service” 3. NU click chọn “Service maintenance” 4. NU click chuột chọn service cần chuyển trạng thái từ màn hình list các service vừa load lên 5. NU ấn vào nút “In-active” trên trang để chuyển |
| **Alternative flow** | [Service đang ở trạng thái “In-active”]   1. NU click chuột chọn service sẽ có thông báo service đang ở trạng thái “In-active” và hỏi có muốn chuyển sang “Active” hay không 2. (*Nút “In-active” bị ẩn*) |
| **Exception flow** | [Khi không chuyển được trạng thái của service như mong muốn]   1. Hiển thị thông báo lỗi không sửa được trạng thái service 2. Quay trở lại màn hình list các service |

**PROGRAMMES**

1. List programme

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | List Programme |
| **Actors** | Normal User (NU) |
| **Description** | Hiển thị tất cả các programme có trong hệ thống (mặc định là đang active) trên trang màn hình chính, NU có thể filter, sort theo tên để hiển thị theo mong muốn |
| **Goal** | Các programme được hiển thị theo trang (15p/trang) |
| **Pre-condition** | NU đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | NU ấn vào menu “Programme maintenance” |
| **Post-condition** | Màn hình chính hiển thị list các programme |
| **Normal flow** | [Màn hình chính hiển thị thành công list các programme đang active]   1. NU đăng nhập 2. NU ấn vào menu “Service” 3. NU click chọn “Programme maintenance” 4. NU có thể thực hiện các thao tác lọc, sắp xếp theo tên, chuyển trang, hiển thị các In-active programme |
| **Alternative flow** | [Không có programme nào đang active]   1. NU ấn vào nút “Include In-active” |
| **Exception flow** | [Màn hình không hiển thị được programme nào]   1. Hiển thị thông báo lỗi không load được dữ liệu của các programme 2. Quay lại màn hình lúc đăng nhập xong |

1. Add programme

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Add Programme |
| **Actors** | Normal User (NU) |
| **Description** | Cho phép NU thêm mới 1 programme vào hệ thống |
| **Goal** | Thêm mới thành công 1 programme |
| **Pre-condition** | Màn hình chính hiển thị list các programme |
| **Trigger** | NU ấn vào nút “Create” trên trang hiển thị list các programme |
| **Post-condition** | Đưa ra thông báo thêm mới thành công 1 programme |
| **Normal flow** | [Điền thông tin và tạo programme mới thành công]   1. NU đăng nhập 2. NU ấn vào menu “Service” 3. NU click chọn “Programme maintenance” 4. NU ấn vào nút “Create” 5. Màn hình chi tiết programme hiện ra với các trường để trống cho NU nhập thông tin vào 6. NU nhập các thông tin cần thiết và xác nhận |
| **Alternative flow** | [Thông tin điền vào không hợp lệ]   1. Hiển thị thông báo thông tin nhập vào không hợp lệ (tương ứng với từng trường trong form) 2. Quay lại màn hình chi tiết programme 3. Lặp lại các bước 5 và 6 của **Normal flow** |
| **Exception flow** | [Không thể thêm mới programme được]   1. Hiển thị thông báo lỗi không thể tạo mới programme 2. Quay lại màn hình list các programme |

1. Amend programme

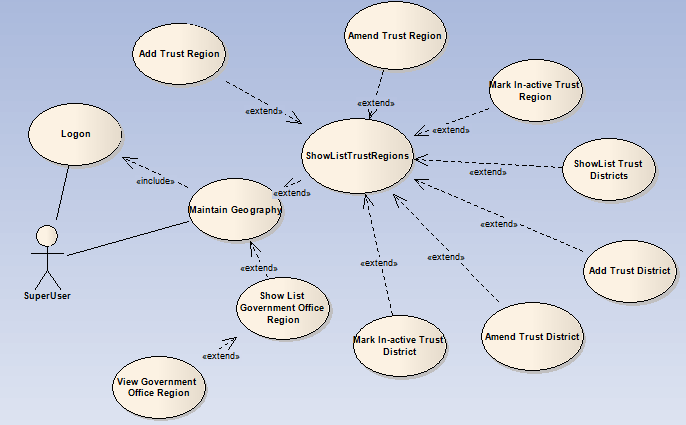
|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Amend Programme |
| **Actors** | Normal User (NU) |
| **Description** | Cho phép NU sửa thông tin của 1 programme có sẵn |
| **Goal** | Sửa thành công 1 programme |
| **Pre-condition** | Màn hình chính hiển thị list các programme |
| **Trigger** | * Programme đang active: NU click chọn 1 programme trên trang hiển thị list các programme * Programme đang in-active: NU phải chuyển sang active để có thể chỉnh sửa thông tin |
| **Post-condition** | Đưa ra thông báo sửa thành công 1 programme |
| **Normal flow** | [Sửa thông tin programme và lưu lại thành công]   1. NU đăng nhập 2. NU ấn vào menu “Service” 3. NU click chọn “Programme maintenance” 4. NU click chọn 1 programme đang active 5. Màn hình chi tiết programme hiện ra với các trường mặc định sẵn của programme đó 6. NU sửa các thông tin cần thiết và lưu lại |
| **Alternative flow** | [Thông tin chỉnh sửa không hợp lệ]   1. Hiển thị thông báo thông tin nhập vào không hợp lệ (tương ứng với từng trường) 2. Quay lại màn hình chi tiết programme   [Programme đang in-active]   1. NU click chọn vào programme đang in-active 2. NU click “OK” khi hiện ra thông báo có muốn chuyển programme sang active không 3. Lặp lại các bước 5 và 6 của **Normal flow** |
| **Exception flow** | [Không thể lưu sau khi chỉnh sửa]   1. Hiển thị thông báo lỗi không thể lưu programme sau khi sửa 2. Quay lại màn hình chi tiết programme |

1. Mark In-active programme

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | Mark In-active Programme |
| **Actors** | NormalUser (NU) |
| **Description** | Cho phép NU chuyển trạng thái 1 programme có sẵn trong hệ thống từ *Active* sang *In-active* |
| **Goal** | Programme chuyển từ *Active* sang *In-active* |
| **Pre-condition** | Màn hình chính hiển thị thành công trang list các programme |
| **Trigger** | NU ấn vào nút “In-active” trên trang hiển thị |
| **Post-condition** | Programme chuyển từ “Active” sang “In-active” |
| **Normal flow** | [NU đăng nhập và chuyển trạng thái cho programme từ “Active” sang “In-active” thành công]   1. NU đăng nhập 2. NU ấn vào menu “Service” 3. NU click chọn “Programme maintenance” 4. NU click chuột chọn programme cần chuyển trạng thái từ màn hình list các prgramme vừa load lên 5. NU ấn vào nút “In-active” trên trang để chuyển |
| **Alternative flow** | [Programme đang ở trạng thái “In-active”]   1. NU click chuột chọn programme sẽ có thông báo programme đang ở trạng thái “In-active” và hỏi có muốn chuyển sang “Active” hay không 2. (*Nút “In-active” bị ẩn*) |
| **Exception flow** | [Khi không chuyển được trạng thái của programme như mong muốn]   1. Hiển thị thông báo lỗi không sửa được trạng thái của programme 2. Quay trở lại màn hình list các programme |

# 6.4 Geography (LuanNT + ChienNN)

# Use-case Diagram



# Use-case Description

## UC 01 ShowListTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-01-ShowListTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách Vùng/miền |
| **Goal** | Xem danh sách,cho phép tìm kiếm tất cả hoặc theo key |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowListTrustRegion](a) |
| **Post-condition** | Dữ liệu của hệ thống không thay đổi. |
| **Normal flow** | 1.User login thành công.  2.User click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a) |
| **Alternative flow** | 1.User không thể đăng nhập được.  Cho phép đăng nhập tối đa 5 lần. |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 02 AddTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-02-AddTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm mới 1 vùng/miền |
| **Goal** | Tạo mới được vùng miền |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Sau khi SuperUser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào nút create trong màn hình. |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 vùng miền được thêm vào database.Đảm bảo dữ liệu được cập nhật trong thời gian ngắn. |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và thêm mới 1 vùng/miền thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó nhấn vào nút create.  2.SuperUser nhập vào đầy đủ và chính xác các thông tin khi thực hiện chức năng thêm mới 1 vùng/miền.  3.SuperUser tiến hành submit thành công. |
| **Alternative flow** | [SuperUser không điền đầy đủ các thông tin trước khi submit]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin,tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Exception flow** | [Khi thêm mới 1 vùng/miền gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi,có thể là do bản ghi đã tồn tại. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 03 AmendTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-03-AmendTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin của vùng/miền |
| **Goal** | Cập nhật lại thông tin của vùng miền |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 vùng miền được cập nhật vào database,đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và cập nhật thông tin vùng/miền thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó nhấn vào bản ghi nào đang ở trạng thái active và muốn cập nhật.  2.SuperUser nhập vào đầy đủ và chính xác các thông tin khi thực hiện chức năng cập nhật..  3.SuperUser tiến hành submit thành công. |
| **Alternative flow** | [SuperUser không điền đầy đủ các thông tin trước khi submit]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin,tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 04 Mark-InActiveTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-04-Mark-InActiveTrustRegion-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thay đổi trạng thái từ active sang in-active của 1 bản ghi. |
| **Goal** | Thay đổi từ active sang in-active của 1 bản ghi |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active |
| **Post-condition** | Bản ghi sẽ chuyển từ trạng thái active sang trạng thái in-active. |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và cập nhật thông tin vùng/miền thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó nhấn vào bản ghi nào đang ở trạng thái active và muốn cập nhật.  2.SuperUser nhấn vào nút In-Active trong màn hinh Amend.  3.SuperUser tiến hành submit thành công. |
| **Alternative flow** | Hệ thống cập nhật dữ liệu ngay lập tức. |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 05 ShowListTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-05-ShowListTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách quận huyện trong 1 vùng nào đó. |
| **Goal** | Có thể tìm kiếm tất cả hoặc tìm theo kí tự đầu tiên |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active,sau đó chuyển sang tab Trust Districts. |
| **Post-condition** | Dữ liệu hệ thống không thay đổi |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và xem danh sách quận huyện thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó nhấn vào bản ghi nào đang ở trạng thái active.  2.Sau đó chuyển sang tab Trust Districts  3.Thực hiện các chức năng như là tìm kiếm tất cả,tìm kiếm dựa vào chữ cái đầu tiên. |
| **Alternative flow** | 1.SuperUser không thể đăng nhập vào hệ thống. |
| **Exception flow** | Lỗi không hiển thị bản ghi,có thể là do trình duyệt hoặc chưa enable Javascript. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 06 AddTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-06- AddTrustDistricts –by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thêm mới 1 quận huyện |
| **Goal** | Tạo mới được 1 quận huyện trong 1 vùng/miền |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Sau khi SuperUser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active mà muốn bổ sung thêm quận huyện. |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 quận/huyện được thêm vào database.Đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và thêm mới 1 quận/huyện thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active mà muốn bổ sung thêm quận huyện  3.SuperUser chuyển sang tab Trust Districts,sau đó click vào nút create.  4.SuperUser tiến hành nhập dữ liệu và nhấn submit thành công. |
| **Alternative flow** | [SuperUser không điền đầy đủ các thông tin trước khi submit]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin,tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Exception flow** | [Khi thêm mới 1 quận/huyện gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi,có thể là do bản ghi đã tồn tại. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 07AmendTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-07-AmendTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin của quận/ huyện |
| **Goal** | Cập nhật lại thông tin của quận/ huyện |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Sau khi SuperUser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active mà muốn chỉnh sửa thông tin của quận huyện. |
| **Post-condition** | Thông tin về 1 quận/huyện được cập nhật vào database,đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và thêm mới 1 quận/huyện thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active mà muốn chỉnh sửa thông tin quận huyện  3.SuperUser chuyển sang tab Trust Districts,sau đó click vào bản ghi nào mà muốn chỉnh sửa.  4.SuperUser tiến hành nhập dữ liệu và nhấn submit thành công. |
| **Alternative flow** | [SuperUser không điền đầy đủ các thông tin trước khi submit]  Đưa ra cảnh báo yêu cầu nhập đủ thông tin,tô màu đỏ những vùng đó. |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 08 Mark-InActiveTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-08-Mark-InActiveTrustDistricts-by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng thay đổi trạng thái từ active sang in-active của 1 bản ghi. |
| **Goal** | Thay đổi từ active sang in-active của 1 bản ghi |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowListTrustRegion](file:///D:\FPT\Requirement\Assignment\a),sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active |
| **Post-condition** | Bản ghi sẽ chuyển từ trạng thái active sang trạng thái in-active. |
| **Normal flow** | [SuperUser đã login và thay đổi trạng thái 1 quận/huyện thành công]  1.SuperUser đã login.  2.SuperUser chọn chức năng xem danh sách,sau đó click vào 1 bản ghi đang ở trạng thái active mà muốn chỉnh sửa trạng thái từ active sang in-active của 1 quận huyện.  3.SuperUser chuyển sang tab Trust Districts,sau đó click vào bản ghi nào mà muốn chỉnh sửa trạng thái.  4.Sau đó nhấn vào nút In-Active. |
| **Alternative flow** | SuperUser không thể đăng nhập được vào hệ thống |
| **Exception flow** | [Khi cập nhật gặp thất bại]  Đưa ra thông tin gây lỗi. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 09 ShowListGovernmentOfficeRegion-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-09- ShowListGovernmentOfficeRegion -by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem danh sách văn phòng đại diện |
| **Goal** | Xem danh sách,cho phép tìm kiếm tất cả hoặc theo key |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowGovernmentListOfficeRegion](a) |
| **Post-condition** | Dữ liệu của hệ thống không thay đổi. |
| **Normal flow** | 1.Superuser đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| **Alternative flow** | 1.Superuser không thể đăng nhập được vào hệ thống |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

## UC 10 ViewGovernmentOfficeRegion-by-LuanNT-ChienNN

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Name** | Geography-UC-10- ViewGovernmentOfficeRegion -by-LuanNT-ChienNN |
| **Actors** | SuperUser |
| **Description** | Cho phép người dùng xem chi tiết văn phòng đại diện |
| **Goal** | Xem thông tin về văn phòng đại diện |
| **Pre-condition** | Đã login thành công vào hệ thống |
| **Trigger** | Khi Superuser click vào [ShowGovernmentListOfficeRegion](a) *,*sau đó click vào văn phòng đại diện muốn xem |
| **Post-condition** | Dữ liệu của hệ thống không thay đổi |
| **Normal flow** | 1.Superuser đăng nhập thành công vào hệ thống |
| **Alternative flow** | 1.User không thể đăng nhập được,cho phép thực hiện submit tối đa 5 lần |
| **Exception flow** | Có lỗi khi hiển thị bản ghi,có thể do trình duyệt hoặc do chưa bật JavaScript. |
| **Others** | Chương trình tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay. |

**6.5 Premise (HieuPX)**

1. Maintain Premise

a. Use-case diagram

b. Use-case Description:



|  |  |
| --- | --- |
| **Key components** | **List the Premise in the system** |
| **Name** | List Premise |
| **Actors** | User or Super User |
| **Description** | showing all active Premises or both in-active and active Premise  when user clicks on “Include in-active” check box |
| **Goal** | Showing Premise |
| **Pre-condition** | ‘Premise List’ screen is displayed successfully |
| **Trigger** | Click on “Premise” from the menu |
| **Post-condition** | List of Premise is displayed |
| **Normal flow** | User logs in  User select Premise on the menu |
| **Alternative flow** | Repeat steps in normal flow |
| **Exception flow** | Notify error when display list Premise |

2. Maintain Facility

a. Use-case diagram



b. Use-case Description:

|  |  |
| --- | --- |
| **Key components** | **List the Premise in the system** |
| **Name** | Filter facilities by name |
| **Actors** | User or Super User |
| **Description** | filter Premises by selecting ‘All’ or ‘0-9’ or ‘ABCDE’  or ‘FGHIJ’, etc |
| **Goal** | Filter Premise |
| **Pre-condition** | ‘Premise List’ screen is displayed successfully |
| **Trigger** | Select the group of character as “ABCD”…. |
| **Post-condition** | All Premises that begin with the selected of group of  character will be shown. |
| **Normal flow** | User logs in  User select Premise on the menu  User select character to filter |
| **Alternative flow** | Repeat steps in normal flow |
| **Exception flow** | Notify error when display list Premise  Notify error when filter Premise |

Contact: (BichTT)

1. List Contact

* UC hiển thị thông tin các Contact trên screen (Display\_Contacts)
* UC cho phép “in – active” contact (Inactive\_Contact)
* UC search contact (Search\_Contact)
* UC select contact (Select\_Contact)



Mô tả chi tiết UC

* Search\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Search Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Cho phép actor tìm kiếm một hoặc nhiều danh bạ theo từ khóa nhập vào trên cửa sổ “List Contact” |
| Goal | Đưa ra các kết quả tìm kiếm |
| Pre-condition | * Actor đăng nhập thành công vào hệ thống * Actor vào thành công chức năng “List Contact” của hệ thống |
| Trigger | Actor click vào nút “Search” trên cửa sổ “List Contact” |
| Post-condition | Hiển thị một (hoặc nhiều) contact có từ khóa mà actor đã nhập |
| Normal Flow | [Actor login và vào thành công chức năng “List Contact”]   1. Actor login vào hệ thống 2. Actor chọn chức năng “List Contact” trên màn hình chính 3. Actor nhập các từ khóa tìm kiếm vào hai ô “first name” và “surname” 4. Actor click “Search” |
| Alternative Flow | [Actor chưa nhập vào từ khóa tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “insert the key please!” 2. Đưa con trỏ trở lại ô nhập key |
| Exception Flow | [Không tìm được contact như yêu cầu]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Trở về màn hình ban đầu |

* Display\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Display Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Đưa ra danh sách các contact và các thông tin của các contact |
| Goal | Hiển thị contacts & infor’s contacts trên màn hình |
| Pre-condition | Actor thực hiện search thành công |
| Trigger |  |
| Post-condition | Hiển thị các contact như thông tin actor tìm kiếm |
| Normal Flow | [Tìm kiếm thành công]   1. Actor tìm kiếm 2. Hiển thị kết quả tìm kiếm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Tìm kiếm không có kết quả]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Trở về màn hình ban đầu |

* Seclect\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” |

* Inactive\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | In-active Contact |
| Actors | Super Actor |
| Description | Cho phép actor chọn in-active một danh bạ trong list |
| Goal | Thực hiện in-active contact thành công |
| Pre-condition | Actor select một contact thành công |
| Trigger | Actor click vào ô check box “in – active” |
| Post-condition | Trở về màn hình với contact đã được in – active |
| Normal Flow | [in-active thành công]   1. Actor select một contact trong list hiển thị 2. Actor click vào ô check box “in – active” 3. Đưa ra message “Do you want to in – active this contact” với hai button yes & no 4. Actor click “yes” 5. Thực hiện in-active |
| Alternative Flow | [Actor chưa chọn contact]   1. Đưa ra message “please select a contact” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Quay trở lại màn hình |
| Exception Flow | [Không thể in-active contact]   1. Đưa ra message “Can’t in-active this contact” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Quay trở lại màn hình |

1. Add Contact

* UC kiểm tra các trường bắt buộc
* UC set Manager Name
* UC lấy Contact Type từ CSDL
* UC lấy Best Contact Method từ CSDL
* UC check “is active”
* UC cập nhật lại CSDL



Mô tả UC

* Kiểm tra các trường bắt buộc

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Check Fields Constrained |
| Actors | Super Actor |
| Description | Kiểm tra xem actor đã điền đủ các trường bắt buộc chưa |
| Goal | Cho phép tiếp tục hoặc quay lại |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “Create” thành công |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được lưu vào CSDL |
| Normal Flow | [Contact được add thành công]   1. Actor chọn “create” trên màn hình “List Contact” 2. Hiển thị window với các trường cần nhập 3. Actor điền các trường 4. Actor click “save” |
| Alternative Flow | [Actor điền thiếu trường bắt buộc]   1. Đưa messgage “Please insert to fields constrained” 2. Trở về màn hình trước đó |
| Exception Flow | [Contact đã tồn tại]   1. Đưa message “contact existed” 2. Trở về màn hình trước đó |

* Set Manager Name

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Set Manager Name |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add manager name vào trường được yêu cầu |
| Goal | Add thành công manager name |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào button “lookup” |
| Post-condition | Điền manager name vào trường Manager Name |
| Normal Flow | [Set tên thành công]   1. Actor click “lookup” 2. Show 1 pop – up window của search contact 3. Actor search contact 4. Actor click vào contact muốn chọn 5. Actor click vào button “OK” |
| Alternative Flow | [Không nhập key tìm kiếm]   1. Đưa message “Please insert the key” 2. Về màn hình search |
| Exception Flow | [Không có contact được tìm kiếm]   1. Đưa message “There is no contact” 2. Về màn hình search |

* Get Contact Type

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Contact Type |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Contact Type vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công contact type |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào trường “contact type” |
| Post-condition | Hiển thị contact type vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công contact type]   1. Actor click vào trường “contact type” 2. Select box sổ xuống các type có sẵn 3. Actor chọn một type |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Get Best Contact Method

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Best Contact Method |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Best Contact Method vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công best contact method |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào trường “Best Contact Method” |
| Post-condition | Hiển thị best contact method vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công best contact method]   1. Actor click vào trường “best contact method” 2. Select box sổ xuống các method có sẵn 3. Actor chọn một method |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Check “is active”

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Active |
| Actors | Super Actor |
| Description | Cho phép actor chọn active hoặc không của contact |
| Goal | Gắn active cho contact thành công |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào check box “active” |
| Post-condition | Contact được gắn đã active |
| Normal Flow | [active thành công contact]   1. Actor click vào check box “active” 2. Đưa message “Do you want to active this contact” với 2 button “yes” và “no” |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Update Database

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Update Database |
| Actors | Super Actor |
| Description | Thực hiện lưu contact mới được add vào cơ sở dữ liệu |
| Goal | Lưu thành công contact vào cơ sở dữ liệu |
| Pre-condition | Actor thực hiện được chức năng “create” |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được add vào CSDL |
| Normal Flow | [add thành công contact]   1. Actor click “save” 2. Hệ thống kiểm tra contact 3. Hệ thống ghi contact vào bảng csdl |
| Alternative Flow | [actor nhập thiếu trường cần điền]   1. Đưa message “Please insert to fields constrained” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Về màn hình nhập |
| Exception Flow | [contact đã tồn tại trong csdl]   1. Đưa message “This contact existed” với button “OK” 2. Về màn hình nhập |

1. Edit Contact

* UC chọn contact
* UC kiểm tra các trường bắt buộc
* UC set Manager Name
* UC lấy Contact Type từ CSDL
* UC lấy Best Contact Method từ CSDL
* UC check “is active”
* UC cập nhật lại CSDL



Mô tả UC

* Select một contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Về màn hình trước đó |

* Kiểm tra các trường bắt buộc

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Check Fields Constrained |
| Actors | Super Actor |
| Description | Kiểm tra xem actor đã điền đủ các trường bắt buộc chưa |
| Goal | Cho phép tiếp tục hoặc quay lại |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được lưu vào CSDL |
| Normal Flow | [Contact được edit thành công]   1. Actor chọn “create” trên màn hình “List Contact” 2. Hiển thị window với các trường cần nhập 3. Actor điền các trường 4. Actor click “save” |
| Alternative Flow | [Actor điền thiếu trường bắt buộc]   1. Đưa messgage “Please insert to fields constrained” 2. Trở về màn hình trước đó |
| Exception Flow | [Contact đã tồn tại]   1. Đưa message “contact existed” 2. Trở về màn hình trước đó |

* Set Manager Name

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Set Manager Name |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add manager name vào trường được yêu cầu |
| Goal | Add thành công manager name |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào button “lookup” |
| Post-condition | Điền manager name vào trường Manager Name |
| Normal Flow | [Set tên thành công]   1. Actor click “lookup” 2. Show 1 pop – up window của search contact 3. Actor search contact 4. Actor click vào contact muốn chọn 5. Actor click vào button “OK” |
| Alternative Flow | [Không nhập key tìm kiếm]   1. Đưa message “Please insert the key” 2. Về màn hình search |
| Exception Flow | [Không có contact được tìm kiếm]   1. Đưa message “There is no contact” 2. Về màn hình search |

* Get Contact Type

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Contact Type |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Contact Type vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công contact type |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào trường “contact type” |
| Post-condition | Hiển thị contact type vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công contact type]   1. Actor click vào trường “contact type” 2. Select box sổ xuống các type có sẵn 3. Actor chọn một type |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Get Best Contact Method

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Best Contact Method |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Best Contact Method vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công best contact method |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào trường “Best Contact Method” |
| Post-condition | Hiển thị best contact method vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công best contact method]   1. Actor click vào trường “best contact method” 2. Select box sổ xuống các method có sẵn 3. Actor chọn một method |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Check “is active”

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Active |
| Actors | Super Actor |
| Description | Cho phép actor chọn active hoặc không của contact |
| Goal | Gắn active cho contact thành công |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào check box “active” |
| Post-condition | Contact được gắn đã active |
| Normal Flow | [active thành công contact]   1. Actor click vào check box “active” 2. Đưa message “Do you want to active this contact” với 2 button “yes” và “no” |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Update Database

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Update Database |
| Actors | Super Actor |
| Description | Thực hiện lưu contact mới được edit vào cơ sở dữ liệu |
| Goal | Lưu thành công contact vào cơ sở dữ liệu |
| Pre-condition | Actor thực hiện được chức năng “edit” |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được add vào CSDL |
| Normal Flow | [add thành công contact]   1. Actor click “save” 2. Hệ thống kiểm tra contact 3. Hệ thống ghi contact vào bảng csdl |
| Alternative Flow | [actor nhập thiếu trường cần điền]   1. Đưa message “Please insert to fields constrained” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Về màn hình nhập |
| Exception Flow | [contact đã tồn tại trong csdl]   1. Đưa message “This contact existed” với button “OK” 2. Về màn hình nhập |

1. Delete Contact

* Select contact
* UC delete contact
* UC cập nhật lại CSDL



Mô tả UC

* Select Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Về màn hình trước đó |

* Delete Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Delete |
| Actors | Super actor |
| Description | Cho phép actor xóa contact khỏi cơ sở dữ liệu |
| Goal | Xóa thành công contact |
| Pre-condition | 1. Contact đã tồn tại trong csdl 2. Actor đã select contact |
| Trigger | Actor click “delete” button |
| Post-condition | 1. Đưa message “Delete successfully” 2. Về màn hình trước đó |
| Normal Flow | [Xóa thành công]   1. Actor chọn contact muốn xóa 2. Actor click “delete” 3. Hệ thống đưa message “Do you want to delete this contact” với 2 button “yes” và “no” 4. Actor click “yes” 5. Hệ thống đưa message “Delete successfully” |
| Alternative Flow | [Chưa chọn contact muốn xóa]   1. Đưa message “Please select a contact” với button “OK” 2. Về màn hình list contact |
| Exception Flow |  |

* Update Database

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Update Database |
| Actors | Super Actor |
| Description | Thực hiện xóa contact khỏi cơ sở dữ liệu |
| Goal | Xóa thành công contact khỏi cơ sở dữ liệu |
| Pre-condition | Actor thực hiện được chức năng “delete contact” |
| Trigger | Actor click “Yes” |
| Post-condition | Contact được xóa khỏi CSDL |
| Normal Flow | [xóa thành công contact]   1. Actor click “yes” 2. Hệ thống kiểm tra contact 3. Hệ thống xóa contact khỏi bảng csdl |
| Alternative Flow | [actor chưa chọn contact muốn xóa]   1. Đưa message “Please select a contact” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Về màn hình list contact |
| Exception Flow |  |

1. Gửi Email tới một Contact

* UC chọn contact muốn gửi email
* UC hiển thị màn hình soạn thảo email
* UC gửi email



Mô tả UC

* Select Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Trở về màn hình search |

* Display text box

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Display text box |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Cho phép actor viết email |
| Goal | Hiển thị các trường: to, cc, subject, content |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select một contact 3. Actor click “send email” |
| Trigger | Actor click “send email” |
| Post-condition | Actor viết vào các trường |
| Normal Flow | [hiển thị thành công]   1. Actor chọn 1 contact 2. Click “send email” 3. Hệ thống show pop – up window với các trường như trên |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Send email

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Send Email |
| Actors | Super actor, normal actor |
| Description | Thực hiện gửi email đến contact |
| Goal | Email được gửi đến contact |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “send email”  Actor điền đủ các trường |
| Trigger | Actor click “send” |
| Post-condition | Message “Your email have been sent” |
| Normal Flow | [gửi thành công]   1. Actor click “send” 2. Hệ thống thực hiện gửi email vào hộp thư của contact 3. Thông báo “Your email have been sent” với button “OK” 4. Actor click “OK” 5. Về màn hình trước đó |
| Alternative Flow | [actor chưa viết subject]   1. Đưa message “Do you want send this email without subject” với 2 button “yes” và “no” 2. Actor click “yes” -> gửi email 3. Actor click “no” -> đưa con trỏ vào text box “subject”   [actor chưa viết nội dung email]   1. Đưa message “Do you want send this email without content” với 2 button “yes” và “no” 2. Actor click “yes” -> gửi email 3. Actor click “no” -> đưa con trỏ vào text box “content” |
| Exception Flow | [không gửi được email]   1. Đưa message “System is overload, try again late” với button “OK” 2. Actor click “OK”   Về màn hình trước đó |